TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 158/2017/DS-PT
Ngày 25-7-2017
V/v tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Nga

Các Thẩm phán: Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

Ông Trần Quốc Khánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hồng Nhật Châu – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Chung – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 99/2017/TLPT-DS ngày 19 tháng 6 năm 2017 về việc "Tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2017/DS-ST ngày 04 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Cần Đước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 128/2017/QĐ-PT ngày 03 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị N, sinh năm: 1942;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phan Vĩnh P, sinh năm: 1974;

Cùng địa chỉ: Đường H, khu S, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An.

(Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 20/7/2017)

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm: 1963;

2. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm: 1965;

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Văn C: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm: 1965;

Cùng địa chỉ: Đường H, khu S, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An.

(Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 19/7/2017)

- *Người kháng cáo:* Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Phan Vĩnh P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17 tháng 8 năm 2015 và các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn bà Phạm Thị N cũng như người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Phan Vĩnh P trình bày:

Bà Phạm Thị N là chủ sở hữu căn nhà số 55 đường H, khu S, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An. Nhà được xây dựng khoảng năm 1950 – 1960 trên thửa đất số 403, tờ bản đồ số 12, diện tích 232,3m^2 do bà N đứng tên chủ quyền sử dụng đất. Năm 2010, bà N sửa lại toàn bộ nhà sau, đồng thời sửa chữa lại mái nhà trước. Liền kề thửa đất số 403 của bà N là thửa đất số 391, tờ bản đồ số 12, diện tích 64m^2 của ông Nguyễn Văn C. Khoảng tháng 6/2015, ông C tiến hành xây nhà làm ảnh hưởng đến nhà của bà N, nhà sau của bà N bị nứt. Mặc dù trước khi ông C xây dựng nhà thì nhà sau của bà N đã có vết nứt nhưng không nhiều, kể từ khi ông C xây nhà thì xuất hiện nhiều vết nứt mới hơn. Bà N có mời thầu xây dựng đến để xem xét sửa chữa nhà thì được thầu xây dựng cho biết vết nứt cũ chiếm khoảng 40%, vết nứt mới chiếm khoảng 60% và tổng chi phí sửa chữa khoảng 60.000.000đồng. Vào ngày 17/8/2015, bà N khởi kiện yêu cầu ông C bồi thường thiệt hại phần nhà sau số tiền là 25.000.000đồng. Đến ngày 24/9/2016, bà N có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu ông C phải bồi thường thiệt hại thêm phần nhà trước với số tiền là 20.000.000đồng vì khi khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại nhà sau thì nhà trước cũng đã có những vết nứt cũ nhưng chưa xuất hiện vết nứt mới đến nay nhà trước cũng đã xuất hiện nhiều vết nứt mới chiếm khoảng 61% và ngoài những vết nứt thì đà cửa nhà trước còn bị lệch không thể mở cửa được. Trong quá trình Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án, ông Phan Vĩnh P đại diện theo ủy quyền của bà N yêu cầu ông C liên đới cùng vợ là bà Nguyễn Thị P cùng có trách nhiệm bồi thường.

Bị đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:

Ông là chủ sử dụng đất của thửa đất số 391, tờ bản đồ số 12, diện tích 64m^2. Vào tháng 6/2015, ông có khởi công xây dựng nhà ở trên thửa đất số 391 nhưng ông không có sang nhà bà N để kiểm tra hiện trạng nhà của bà N trước khi tiến hành xây dựng. Tuy nhiên, bà N khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông phải bồi thường thiệt hại số tiền 45.000.000đồng do xây dựng nhà ảnh hưởng đến nhà của bà N làm nhà bị lún, nứt thì ông không đồng ý vì khoảng cách giữa tường nhà ông với tường nhà bà N cách nhau khoảng 0,5m; trước khi nhà ông xây dựng thì nhà bà N đã nứt sẵn, hơn nữa Trung tâm kiểm định chất lượng xây dựng – Sở xây dựng tỉnh Long An cũng không kết luận được nguyên nhân làm nhà bà N bị nứt, cũng như không xác định được đâu là vết nứt cũ, đâu là vết nứt mới. Trước yêu cầu khởi kiện của bà N, ông chỉ đồng ý hỗ trợ cho bà N số tiền là 5.000.000đồng để sửa chữa nhà.

Bị đơn bà Nguyễn Thị P trình bày: Bà là vợ của ông C, bà thống nhất với trình bày của ông C và bà cũng không đồng ý bồi thường cho bà N số tiền 45.000.000đồng mà chỉ đồng ý hỗ trợ cho bà N số tiền 5.000.000đồng.

Vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2017/DS-ST ngày 04/5/2017 Tòa án nhân dân huyện Cần Đước đã căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 604, 607, 608 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 10 Thông tư số 10/2014/TT-BXD ngày 11/7/2014 của Bộ xây dựng quy định một số nội dung về quản lý chất lượng xây dựng nhà ở riêng lẻ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đã tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị N đối với vợ chồng ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị P về việc tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Buộc vợ chồng ông C, bà P chịu trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại phần nhà sau cho bà N số tiền là 6.714.000đồng (Sáu triệu bảy trăm mười bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà N cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, vợ chồng ông C, bà P phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà N yêu cầu vợ chồng ông C, bà P phải bồi thường thiệt hại số tiền 20.000.000đồng đối với phần nhà trước.

Về chi phí kiểm định, thẩm định: Buộc vợ chồng ông C, bà P phải hoàn trả cho bà N số tiền 4.404.000đồng chi phí kiểm định, thẩm định.

Về án phí: Vợ chồng ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị P phải nộp 336.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phạm Thị N phải nộp 1.914.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí 625.000đồng tại biên lai số 0006870 ngày 05/10/2015 và 500.000đồng tại biên lai số 0005609 ngày 05/10/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, bà N còn phải nộp tiếp 789.000đồng.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/5/2017 đại diện cho nguyên đơn ông Phan Vĩnh P làm đơn kháng cáo không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về bồi thường thiệt hại của nguyên đơn, đồng thời xem xét lại chi phí thẩm định chất lượng công trình xây dựng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Phan Vĩnh P không rút lại đơn khởi kiện nhưng rút một phần yêu cầu kháng cáo đối với trách nhiệm bồi thường thiệt hại của ông C và bà P, giữ nguyên yêu cầu xem xét lại chi phí thẩm định chất lượng công trình xây dựng thuộc về trách nhiệm của bị đơn, đồng thời xin được miễn án phí. Bị đơn bà Nguyễn Thị P đồng thời bà P đại diện cho ông C không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của phía đại diện nguyên đơn, trình bày cho rằng ông C, bà P cất nhà không gây thiệt hại cho nhà của bà N nên không đồng ý bồi thường nhưng chấp nhận theo quyết định của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo.

Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện Kiểm sát về việc chấp hành pháp luật tố tụng trong giai đoạn xét xử phúc

thẩm cho rằng: Tòa án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Kháng cáo của đại diện nguyên đơn ông Phan Vĩnh P trong thời hạn luật định đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và kiểm sát trực tiếp tại phiên tòa, xét yêu cầu kháng cáo của các đương sự thấy rằng:

Ông Phan Vĩnh P rút một phần yêu cầu kháng cáo, chấp nhận số tiền như án sơ thẩm buộc ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị P phải bồi thường cho bà N là 6.714.000đồng, giữ một phần yêu cầu kháng cáo về chi phí kiểm định, thẩm định.

Xét thấy trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng phát sinh dựa trên cơ sở hành vi trái pháp luật, yếu tố lỗi của bên gây thiệt hại, thiệt hại thực tế và mối quan hệ nhân quả giữa hành vi trái pháp luật và thiệt hại. Ông Nguyễn Văn C đã tiến hành xây dựng nhà ở trên cơ sở các giấy phép xây dựng số 71/GPXD ngày 13/6/2014 và số l36/GPXD ngày 15/9/2015 của Ủy ban nhân dân huyện C tuy nhiên theo quy định tại Điều 10 của Thông tư số 10/2014/TT-BXD ngày 11/7/2014 của Bộ xây dựng quy định một số nội dung về quản lý chất lượng xây dựng nhà ở riêng lẻ thì trước khi xây dựng công trình, ông C phải có trách nhiệm kiểm tra hiện trạng và ghi nhận các khuyết tật của công trình liền kề, công trình lân cận nhưng ông C không thực hiện, như vậy ông C có lỗi trong việc không thực hiện hành vi nhất định. Căn cứ vào biên bản hòa giải ngày 15/10/2015 của Tòa án thì ông C có thừa nhận khi ông xây dựng nhà có làm ảnh hưởng lún nứt đến nhà sau của bà N.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà P đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn C và là đồng bị đơn thừa nhận khi xây nhà đổ bê tông tầng lầu 1 thì bên bà N có thông báo là nhà bà N bị nứt và thầu xây dựng có qua xem xét, bà P thừa nhận có phát sinh thêm hai vết nứt mới.

Do đó bà N yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại là có cơ sở chấp nhận. Do đó chi phí kiểm định và thẩm định cần buộc bị đơn phải có trách nhiệm chịu toàn bộ.

Ông P kháng cáo không đồng ý chi phí kiểm định, thẩm định là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của đại diện nguyên đơn ông Phan Vĩnh P được làm đúng theo quy định tại Điều 272 và được gửi đến Tòa án trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Bà Phạm Thị N khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn C bồi thường thiệt hại về tài sản, thiệt hại này phát sinh trên cơ sở xây dựng nhà liền kề của ông C. Bà Phạm Thị N cùng người đại diện hợp pháp của bà N trình bày cho rằng do ông C, bà P xây dựng nhà đã gây ra vết nứt công trình xây dựng là nhà ở của bà N. Bà P, ông C không thừa nhận hành vi xây dựng nhà của mình gây thiệt hại nên không đồng ý bồi thường. Tòa án cấp sơ thẩm với nhận định cho rằng, kết luận khảo sát hiện trạng công trình nhà ở của Trung tâm Kiểm định chất lượng xây dựng không xác định được nguyên nhân gây ra nứt nhà của bà N, không xác định được vết nứt cũ, vết nứt mới, đã căn cứ vào lời khai của các bên, của người làm chứng xác định

lỗi của các bên, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc các bị đơn ông C, bà P bồi thường cho bà N số tiền 6.714.000đồng, đại diện cho nguyên đơn kháng cáo.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Phan Vĩnh P đại diện cho nguyên đơn rút một phần kháng cáo về trách nhiệm bồi thường thiệt hại của ông C, bà P. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu kháng cáo của ông P là tự nguyện, đúng quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 3 Điều 298 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án chấp nhận việc rút kháng cáo này.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Phan Vĩnh P về chi phí giám định, kiểm định thấy rằng: Thiệt hại về công trình xây dựng của nhà bà N có phần lỗi của ông C, bà P. Việc trưng cầu cơ quan chuyên môn để xác định nguyên nhân gây thiệt hại là cần thiết, vì khi xây dựng nhà, ông C và bà P không lập văn bản cam kết bảo đảm an toàn cho công trình liền kề theo quy định tại khoản 1 Điều 93 và khoản 1 Điều 95 của Luật Xây dựng năm 2014. Vì vậy, cần buộc các bị đơn chịu toàn bộ chi phí giám định, kiểm định công trình xây dựng, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm, chấp nhận đề nghị giải quyết vụ án của bà Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà Phạm Thị N phải chịu án phí trên số tiền bị bác yêu cầu. Tuy nhiên, bà N là người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 của Luật Người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Hội đồng xét xử xem xét cho bà N được miễn toàn bộ án phí.

[5] Các bị đơn ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị P phải chịu án phí đối với số tiền bồi thường cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 37, 38, 147, 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 604, 607, 608 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 12, Điều 28 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Phan Vĩnh P.

Chấp nhận việc rút một phần yêu cầu kháng cáo của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Phan Vĩnh P.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2017/DS-ST ngày 04/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cần Đước.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị N tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản đối với ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị P.

Buộc ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị P có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại phần nhà sau cho bà Phạm Thị N số tiền là 6.714.000đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của bà N yêu cầu ông C, bà P phải bồi thường thiệt hại số tiền 20.000.000đồng đối với phần nhà trước.

3. Về chi phí kiểm định, thẩm định và án phí:

Ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị P phải liên đới chịu 9.040.000đồng chi phí kiểm định, xem xét thẩm định tại chỗ, số tiền này bà N đã nộp tạm ứng, ông C và bà P phải nộp lại để hoàn trả cho bà N.

Ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị P phải liên đới chịu 336.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Phạm Thị N. Hoàn trả cho bà Phạm Thị N 1.125.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006870 ngày 05/10/2015 và biên lai số 0005609 ngày 05/10/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C. Hoàn trả cho ông Phan Vĩnh P 300.000đồng tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp theo biên lai thu số 0006203 ngày 08/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Cần Đước;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Kim Nga